



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số**

2600114002

ngày 22 tháng 3 năm 2007

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600114002 ngày 1 tháng 7 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng
Ông Nguyễn Hồng Tiến
Bà Nguyễn Thị Liên Hà
Ông Dương Thế Quang
Ông Trần Hoàng Nam

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Lan Anh
Bà Hoàng Thanh Vân
Bà Nguyễn Thanh Thủy

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Tiến
Ông Bùi Như Thương

Giám đốc
Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Khu 6, Thị trấn Thanh Ba
Huyện Thanh Ba
Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 38 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, ngày 10 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU SÀI GÒN
ĐỒNG XUÂN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU SÀI GÒN ĐỒNG XUÂN
DN: C=VN, S=PHÚ THỌ, L=Khu 6 Thị trấn Thanh Ba Huyện Thanh Ba
Tỉnh Phú Thọ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN BIA RƯỢU SÀI GÒN ĐỒNG
XUÂN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2600114002
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2021-03-16 11:33:05



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 10 đến trang 38.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00473-21-1

Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		102.288.129.515	76.183.798.320
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	40.508.328.401	12.798.002.507
Tiền	111		10.508.328.401	12.798.002.507
Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.757.695.644	11.580.836.757
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	17.518.912.204	10.837.207.119
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.809.269.500	2.499.738.800
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.802.731.110	1.561.698.550
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(3.373.217.170)	(3.317.807.712)
Hàng tồn kho	140	9	40.641.794.609	48.574.252.550
Hàng tồn kho	141		42.872.513.315	50.476.050.738
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.230.718.706)	(1.901.798.188)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.380.310.861	3.230.706.506
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.380.310.861	1.341.171.373
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	-	1.889.535.133
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		96.973.342.017	112.893.925.800
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	442.301.363
Phải thu dài hạn khác	216		-	442.301.363
Tài sản cố định	220		77.975.155.717	87.845.952.773
Tài sản cố định hữu hình	221	10	77.975.155.717	87.845.952.773
Nguyên giá	222		254.913.772.201	259.517.708.330
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(176.938.616.484)	(171.671.755.557)
Bất động sản đầu tư	230	11	1.190.894.094	1.739.374.603
Nguyên giá	231		8.719.766.623	8.719.766.623
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.528.872.529)	(6.980.392.020)
Tài sản dở dang dài hạn	240		414.903.165	414.903.165
Xây dựng cơ bản dở dang	242		414.903.165	414.903.165
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.530.500.000	8.530.500.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	8.530.500.000	8.530.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.861.889.041	13.920.893.896
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	8.861.889.041	13.920.893.896
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		199.261.471.532	189.077.724.120

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		137.605.281.000	130.757.054.357
Nợ ngắn hạn	310		126.663.062.677	109.561.756.166
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	4.134.246.861	9.341.375.808
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.104.553.363	5.756.357.860
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(a)	38.289.757.970	20.491.391.469
Phải trả người lao động	314		3.475.545.680	4.570.371.685
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		503.154.943	959.511.009
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		227.272.909	606.060.444
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	13.106.374.051	13.670.576.447
Vay ngắn hạn	320	17(a)	59.577.320.000	46.971.695.690
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.984.605.367
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	2.244.836.900	4.209.810.387
Nợ dài hạn	330		10.942.218.323	21.195.298.191
Vay dài hạn	338	17(b)	7.597.790.000	17.175.110.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		350.994.572	711.150.559
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	2.993.433.751	3.309.037.632
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		61.656.190.532	58.320.669.763
Vốn chủ sở hữu	410	20	61.656.190.532	58.320.669.763
Vốn cổ phần	411	21	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	19.107.852.804	19.107.852.804
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.548.337.728	9.212.816.959
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.549.447.161	1.181.520.238
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		9.998.890.567	8.031.296.721
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		199.261.471.532	189.077.724.120

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

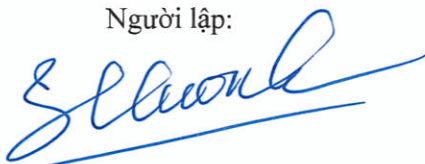
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	253.703.105.111	306.169.735.303
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	222.739.801.926	273.454.198.990
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		30.963.303.185	32.715.536.313
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.780.279.049	3.111.926.167
Chi phí tài chính	22	28	3.687.012.179	2.446.284.050
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.561.992.313	2.261.615.401
Chi phí bán hàng	25	29	4.786.292.049	8.391.167.230
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	8.655.594.227	10.067.853.250
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		15.614.683.779	14.922.157.950
Thu nhập khác	31		103.594.729	1.052.332.649
Chi phí khác	32		10	117.036.798
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		103.594.719	935.295.851
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.718.278.498	15.857.453.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	3.734.707.018	3.268.845.694
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(360.155.987)	(465.521.614)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		12.343.727.467	13.054.129.721
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.366	3.456

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:

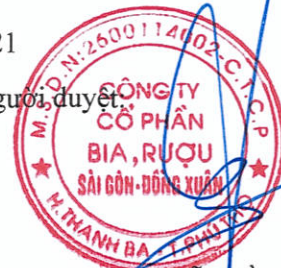


Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		15.718.278.498	15.857.453.801
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		10.608.627.565	8.946.683.252
Các khoản dự phòng	03		(2.541.383.972)	2.535.977.828
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		78.361.408	180.855.658
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.742.203.091)	(3.780.520.975)
Chi phí lãi vay	06		3.561.992.313	2.261.615.401
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		25.683.672.721	26.002.064.965
Biến động các khoản phải thu	09		(4.590.901.149)	3.344.302.961
Biến động hàng tồn kho	10		7.603.537.423	(6.365.042.205)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		9.088.499.751	(17.259.574.098)
Biến động chi phí trả trước	12		5.019.865.367	11.363.201.239
			42.804.674.113	17.084.952.862
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.583.010.511)	(2.332.551.698)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.042.192.700)	(1.714.113.084)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.247.675.485)	(2.986.572.059)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.931.795.417	10.051.716.021
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(2.248.670.982)	(37.282.936.490)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		64.645.455	959.476.751
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.677.557.636	3.020.385.654
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(506.467.891)	(33.303.074.085)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		194.124.932.298	233.288.308.178
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(191.096.627.988)	(203.141.502.488)
Tiền chi trả cổ tức	36		(8.743.388.750)	(8.750.310.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.715.084.440)	21.396.495.690
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		27.710.243.086	(1.854.862.374)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		12.798.002.507	14.653.037.701
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		82.808	(172.820)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	40.508.328.401	12.798.002.507

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất cồn thực phẩm, rượu các loại, bia và nước giải khát có ga; kinh doanh bia, rượu và nước giải khát; kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ; và cung cấp dịch vụ cho thuê kho.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có 142 nhân viên (1/1/2020: 172 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 24.375 triệu VND (1/1/2020: 33.378 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (thuyết minh 17). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có với giá trị là 13.900 triệu VND (1/1/2020: 30.853 triệu VND) và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 21 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 44 năm
--------------------------	-------------

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Covid-19 và các quy định mới

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) từ tháng 3 năm 2020 tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, công ty mẹ, và do đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Nghị định 100/2019/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2020 cũng ảnh hưởng đến ngành sản xuất kinh doanh bia rượu. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của các sự kiện này. Mặc dù Việt Nam đã cho phép tất cả các lĩnh vực kinh doanh được mở cửa hoạt động trở lại, nhưng hoạt động du lịch quốc tế vẫn tạm thời bị đóng cửa. Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	13.665.363	154.422.941
Tiền gửi ngân hàng	10.494.663.038	12.643.579.566
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	-
	<u>40.508.328.401</u>	<u>12.798.002.507</u>

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 3,2% một năm(1/1/2020: Không).

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.340.109.200	5.958.296.542
Pomegranate Perspectives Pte. Ltd	1.884.071.410	1.959.002.711
Công ty Cổ phần Thương Mại New Invention	1.244.710.581	1.244.710.581
Các khách hàng khác	1.050.021.013	1.675.197.285
	<u>17.518.912.204</u>	<u>10.837.207.119</u>

(b) Phải thu của khách hàng là một bên liên quan

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	13.340.109.200	5.958.296.542

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.150.196.494	(2.150.196.494)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.373.217.170	(3.373.217.170)	-
	1/1/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.150.196.494	(2.094.787.036)	55.409.458
Phải thu ngắn hạn khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.373.217.170	(3.317.807.712)	55.409.458

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.317.807.712	2.901.519.252
Dự phòng trích lập trong năm	55.409.458	454.549.460
Dự phòng hoàn nhập trong năm	-	(38.261.000)
Số dư cuối năm	3.373.217.170	3.317.807.712

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	21.562.445.652	(252.219.647)	24.982.155.631	(256.883.466)
Công cụ và dụng cụ	6.039.038.920	(1.978.499.059)	6.550.428.866	(1.644.914.722)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.772.677.398	-	6.409.657.242	-
Thành phẩm	9.498.351.345	-	12.533.808.999	-
	42.872.513.315	(2.230.718.706)	50.476.050.738	(1.901.798.188)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	1.901.798.188	-
Dự phòng trích lập trong năm	328.920.518	1.901.798.188
Số dư cuối năm	2.230.718.706	1.901.798.188



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.164.533.123	227.669.217.731	6.683.957.476	259.517.708.330
Tăng trong năm	-	189.350.000	-	189.350.000
Thanh lý	-	(4.793.286.129)	-	(4.793.286.129)
Số dư cuối năm	25.164.533.123	223.065.281.602	6.683.957.476	254.913.772.201
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	19.376.811.920	148.112.681.828	4.182.261.809	171.671.755.557
Khấu hao trong năm	718.227.724	8.699.243.144	642.676.188	10.060.147.056
Thanh lý	-	(4.793.286.129)	-	(4.793.286.129)
Số dư cuối năm	20.095.039.644	152.018.638.843	4.824.937.997	176.938.616.484
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.787.721.203	79.556.535.903	2.501.695.667	87.845.952.773
Số dư cuối năm	5.069.493.479	71.046.642.759	1.859.019.479	77.975.155.717

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 127.780 triệu VND (1/1/2020: 128.511 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 52.404 triệu VND (1/1/2020: 58.715 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

11. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	8.719.766.623
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	6.980.392.020
Khấu hao trong năm	548.480.509
Số dư cuối năm	7.528.872.529
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.739.374.603
Số dư cuối năm	1.190.894.094

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 1.191 triệu VND (1/1/2020: 1.739 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17(a)).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

			31/12/2020		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	16.207.950.000

		1/1/2020			
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	19.790.760.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	12.504.384.607	777.962.818	638.546.471	13.920.893.896
Tăng trong năm	158.746.492	299.154.725	-	457.901.217
Phân bổ trong năm	(4.316.155.787)	(637.077.834)	(563.672.451)	(5.516.906.072)
Số dư cuối năm	8.346.975.312	440.039.709	74.874.020	8.861.889.041

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lương Thực Hà Nam Ninh	1.240.000.000	1.071.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Than và Xây Dựng Hà Nội	756.556.350	653.248.200
Công ty Cổ phần Hanacans	418.042.818	1.157.466.120
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	2.081.860.783
Pomegranate Perspectives Pte. Ltd.	-	1.815.660.215
Các nhà cung cấp khác	1.719.647.693	2.562.140.490
	4.134.246.861	9.341.375.808

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	2.081.860.783

Số dư của khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 không có đảm bảo, không chịu lãi và đã được hoàn trả đầy đủ trong năm.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Chuyển từ thuế phải thu VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	43.749.252.856	(20.002.178.271)	(19.327.361.832)	4.419.712.753
Thuế tiêu thụ đặc biệt	20.273.566.395	202.694.697.926	(191.032.344.950)	-	31.935.919.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.734.707.018	(3.042.192.700)	(17.045.998)	675.468.320
Thuế thu nhập cá nhân	204.665.314	597.214.357	(681.386.625)	-	120.493.046
Các loại thuế khác	13.159.760	1.825.229.264	(634.689.976)	(65.534.568)	1.138.164.480
	20.491.391.469	252.601.101.421	(215.392.792.522)	(19.409.942.398)	38.289.757.970

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2020 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.806.954.567	17.520.407.265	(19.327.361.832)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.045.998	-	(17.045.998)	-
Các loại thuế khác	65.534.568	-	(65.534.568)	-
	1.889.535.133	17.520.407.265	(19.409.942.398)	-

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	10.699.997.530	11.447.617.530
Cổ tức phải trả	2.023.519.801	1.766.908.551
Phải trả ngắn hạn khác	382.856.720	456.050.366
	13.106.374.051	13.670.576.447

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong năm		31/12/2020
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	39.373.905.690	194.124.932.298	(183.498.837.988)	50.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.597.790.000	9.577.320.000	(7.597.790.000)	9.577.320.000
	46.971.695.690	203.702.252.298	(191.096.627.988)	59.577.320.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020	1/1/2020
			VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	VND	4,0% - 6,2%	50.000.000.000	39.373.905.690

Khoản vay ngắn hạn có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 15.100 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 18.270 triệu VND) (Thuyết minh 10) và bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 1.191 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 1.739 triệu VND) (Thuyết minh 11).

Công ty có một hợp đồng vay không có đảm bảo với Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội (“Shinhan”) với hạn mức tín dụng là 13.900 triệu VND và chịu lãi suất thả nổi của Shinhan tại ngày giải ngân. Khoản vay này không có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn		
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	17.175.110.000	24.772.900.000
	(9.577.320.000)	(7.597.790.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	7.597.790.000	17.175.110.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (i)	VND	7,8% - 8,6%	2022	13.856.710.000	19.795.300.000
▪ Ngân hàng TNHH Shinhan Bank (ii)	VND	7,9%	2022	3.318.400.000	4.977.600.000
				17.175.110.000	24.772.900.000

(i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 23.870 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 25.583 triệu VND) (Thuyết minh 10).

(ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 13.434 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 14.412 triệu VND) (Thuyết minh 10).

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	4.209.810.387	3.829.224.226
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	2.244.836.900	5.022.833.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(2.336.630.202)	(1.739.326.780)
Sử dụng trong năm	(1.873.180.185)	(2.902.920.059)
Số dư cuối năm	2.244.836.900	4.209.810.387

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	3.309.037.632	3.174.798.452
Dự phòng trích lập trong năm	58.891.419	217.891.180
Dự phòng sử dụng trong năm	(374.495.300)	(83.652.000)
Số dư cuối năm	2.993.433.751	3.309.037.632

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019

Lợi nhuận thuần trong năm
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)
Cổ tức (Thuyết minh 22)

Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
30.000.000.000	19.107.852.804	8.442.193.458	57.550.046.262
-	-	13.054.129.721	13.054.129.721
-	-	(5.022.833.000)	(5.022.833.000)
-	-	1.739.326.780	1.739.326.780
-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020

Lợi nhuận thuần trong năm
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)
Trích quỹ công tác xã hội
Cổ tức (Thuyết minh 22)

30.000.000.000	19.107.852.804	9.212.816.959	58.320.669.763
-	-	12.343.727.467	12.343.727.467
-	-	(2.244.836.900)	(2.244.836.900)
-	-	2.336.630.202	2.336.630.202
-	-	(100.000.000)	(100.000.000)
-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

30.000.000.000	19.107.852.804	12.548.337.728	61.656.190.532
----------------	----------------	----------------	----------------

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

22. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 2 tháng 6 năm 2020 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 9.000 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 (2019: 9.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	614.847.466	434.077.679
Từ hai đến năm năm	2.149.389.863	2.150.528.154
Sau năm năm	5.910.486.479	6.724.452.315
	8.674.723.808	9.309.058.148

(b) Ngoại tệ

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	501	11.636.751	100.879	2.343.416.847

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	19.100.000.000	-

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2020 VND	2019 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	249.091.652.937	298.763.199.136
<i>Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	<i>451.786.350.863 (202.694.697.926)</i>	<i>510.180.981.486 (211.417.782.350)</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>		
▪ Cung cấp dịch vụ	1.555.007.493	1.518.309.031
▪ Doanh thu khác	3.056.444.681	5.888.227.136
	253.703.105.111	306.169.735.303

26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2020 VND	2019 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	220.160.516.685	265.689.546.948
▪ Dịch vụ đã cung cấp	759.349.913	791.620.937
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	328.920.518	1.901.798.188
▪ Giá vốn khác	1.491.014.810	5.071.232.917
	222.739.801.926	273.454.198.990

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức được chia	1.279.575.000	2.985.675.000
Lãi tiền gửi	397.982.636	34.710.654
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	100.604.136	89.751.146
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.117.277	1.789.367
	1.780.279.049	3.111.926.167



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Chi phí tài chính

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	3.561.992.313	2.261.615.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.658.458	3.812.991
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	78.361.408	180.855.658
	3.687.012.179	2.446.284.050

29. Chi phí bán hàng

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	966.634.504	2.457.849.402
Chi phí khấu hao và phân bổ	224.483.856	422.509.434
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	38.852.484	2.034.586.549
Chi phí vận chuyển	2.309.497.193	2.215.868.924
Chi phí bán hàng khác	1.246.824.012	1.260.352.921
	4.786.292.049	8.391.167.230

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	4.386.060.745	4.655.600.225
Chi phí khấu hao và phân bổ	498.346.540	533.166.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.347.021.630	1.802.703.781
Chi phí quản lý khác	2.424.165.312	3.076.382.388
	8.655.594.227	10.067.853.250

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	184.518.059.489	228.248.650.213
Chi phí nhân công và nhân viên	21.364.181.670	23.900.084.236
Chi phí khấu hao và phân bổ	10.608.627.565	8.946.683.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.668.788.122	9.528.417.201
Chi phí khác	3.054.739.567	8.114.532.679



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	3.525.621.242	3.222.475.123
Dự phòng thiếu trong những năm trước	209.085.776	46.370.571
	3.734.707.018	3.268.845.694
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(360.155.987)	(465.521.614)
	3.374.551.031	2.803.324.080

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.718.278.498	15.857.453.801
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.143.655.700	3.171.490.760
Chi phí không được khấu trừ thuế	277.724.555	182.597.749
Thu nhập không bị tính thuế	(255.915.000)	(597.135.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	209.085.776	46.370.571
	3.374.551.031	2.803.324.080

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2020 VND	2019 VND (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong năm	12.343.727.467	13.054.129.721
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.244.836.900)	(2.686.202.798)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	10.098.890.567	10.367.926.923

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại theo số thực trích theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại là 3.456 VND/cổ phiếu theo số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi điều chỉnh (theo báo cáo trước đây: 3.257 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 3.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2020	2019
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	357.881.201.174	391.870.350.380
Mua nguyên vật liệu	121.236.968.632	144.986.376.427
Mua dịch vụ	377.505.600	-
Cổ tức	4.611.150.000	4.611.150.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Cổ tức	1.279.575.000	2.985.675.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	213.900.000	279.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	100.000.000	-
Công ty cổ phần Nước giải khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	50.613.659	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán hàng hóa	45.360.000	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Cổ tức	450.000.000	450.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và thù lao	2.437.599.622	2.441.028.806

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2020
VND

- 776.693.482

Ngoại trừ việc điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu như được trình bày ở Thuyết minh 33, thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Người lập:

Người lập: 

Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt

0 tháng 3 năm

Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng

Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc



